

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:134/2018/HS-PT

Ngày: 18/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Trương Công Thi

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Thị Kim N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 79/2017/HS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

NGUYỄN THỊ KIM N, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1977 tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Thường trú tại: Tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 6/12; con ông Nguyễn Thái Th và bà Nguyễn Thị Kim Ng; có chồng Ngô Đình H1 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 19/01/2017. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Mạnh H2 - Luật sư Văn phòng Luật sư HT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim N theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim N có mối quan hệ quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị Đ (sinh

năm: 1973, HKTT: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; hiện trú tại: Xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai). Năm 2013, bà Vũ Thị Th1 (là mẹ của bà Nguyễn Thị Đ) có nhờ Nguyễn Thị Kim N làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất có liên quan đến bà Nguyễn Thị Đ. Vì bà Đ đã chuyển đến sống tại xã I, huyện C nên không có thời gian cho việc đi lại làm hồ sơ thủ tục, do vậy, Nguyễn Thị Kim N đã nói bà Nguyễn Thị Đ đưa Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân số 231129525 của bà Đ để N làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà Đ tin tưởng N nên đã đưa Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của bà Đ cho N. Sau khi có được Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Đ thì Nguyễn Thị Kim N đã làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị Th1. Tuy nhiên, khi xong việc, N không trả sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân cho bà Đ mà giữ lại sử dụng cho mục đích cá nhân.

Trong thời gian từ năm 2014 - 2015, Nguyễn Thị Kim N đã sử dụng Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Đ, dùng tên Nguyễn Thị Đ để giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vay tiền ngân hàng và một số cá nhân khác. N đã dùng tên Nguyễn Thị Đ để nhận chuyển nhượng và đứng tên chủ sở hữu 03 lô đất có các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 712923, AM 718638, BA 544654.

Ngày 12/02/2015, Nguyễn Thị Kim N đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 712923 cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Gia Lai để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 02/6/2015, cùng ngày Nguyễn Thị Kim N cũng đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 718638 cho Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Nam Gia Lai để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 02/6/2015, trong cả hai Hợp đồng trên, Nguyễn Thị Kim N đều sử dụng tên người vay là Nguyễn Thị Đ.

Đến thời hạn trả nợ ngân hàng, do chưa có tiền nên ngày 02/6/2015, Nguyễn Thị Kim N đã nhờ bà Nguyễn Thị Kim L (trú tại: 502/10 đường H, phường P1, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đến nhà bà Trảo Thị T1 (sinh năm: 1966, trú tại: 80 đường D, phường D1, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, mục đích trả tiền cho ngân hàng và rút 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N đã thế chấp vay tiền trước đó. Do không có sẵn tiền cho N vay nên bà Trảo Thị T1 đã cùng bà Nguyễn Thị Kim L đến nhà bà Trảo Thị P2 (sinh năm: 1976, trú tại: 80 đường L, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để đặt vấn đề vay số tiền 1.600.000.000 đồng, tại nhà bà P2, các bên đã viết giấy vay số tiền 1.600.000.000 đồng, bà T1 và bà L mỗi người vay 800.000.000 đồng, nhưng không nhận tiền trực tiếp. Sau khi viết giấy vay tiền của bà Trảo Thị P2 thì bà Trảo Thị T1 đã đến Ngân hàng N rút số tiền 1.600.000.000 đồng, sau đó cùng với bà Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim N đến Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Nam Gia Lai để trả tổng số tiền 1.600.000.000 đồng Nguyễn Thị Kim N đã vay của ngân hàng, sau đó lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 712923 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 718638 đưa cho bà Trảo Thị T1 giữ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Nguyễn Thị Kim N viết Giấy vay tiền đề ngày 02/6/2015 vay của bà Trảo Thị T1 số tiền 1.600.000.000 đồng, N ký tên người vay là Nguyễn Thị Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 712923 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 718638 bà Trảo Thị T1 giữ để đảm bảo cho khoản vay 1.600.000.000 đồng.

Để có tiền trả bà Trảo Thị T1, trong thời gian tháng 6/2015, Nguyễn Thị Kim N đã làm thủ tục chuyển nhượng 03 lô đất của N cho anh Nguyễn Văn P3 (thực chất là

chuyển nhượng để nhờ anh P3 đứng tên để làm thủ tục vay tiền ngân hàng), hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng sử dụng tên Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng, do hồ sơ đất bị tẩy xóa, sửa chữa không hợp lệ nên anh Nguyễn Văn P3 đã thông báo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố P dừng làm thủ tục chuyển nhượng đối với 03 lô đất nói trên và không tiếp tục đứng tên vay tiền cho N. Do không chuyển nhượng được đất và không vay được tiền ngân hàng nên N không có tiền trả cho bà Trảo Thị T1. Ngày 30/6/2015, bà Trảo Thị T1 đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố P yêu cầu Nguyễn Thị Đ (tên Nguyễn Thị Kim N dùng để vay tiền bà T1) trả số tiền 2.200.000.000 đồng. Ngày 20/7/2015, bà Trảo Thị P2 đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố P yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L trả số tiền 800.000.000 đồng.

Trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố P đang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự” thì Nguyễn Thị Kim N đã dùng thủ đoạn gian dối, mua một số gói bột giặt và thuê một người phụ nữ bán vé số dạo (không xác định được nhân thân, lai lịch) đi phát bột giặt tại nhà bà Trảo Thị T1 và bà Trảo Thị P2 cùng một số nhà hàng xóm của bà T1, bà P2 để thu thập chữ ký của bà T1 và bà P2 trong Phiếu đánh giá hàng do N viết sẵn bằng bút chì trên giấy A4. Sau khi có được chữ ký của bà Trảo Thị T1 và bà Trảo Thị P2 thì Nguyễn Thị Kim N đã tẩy xóa nội dung viết sẵn bằng bút chì trên Phiếu đánh giá hàng, giữ lại chữ ký và chữ viết của bà Trảo Thị T1 và bà Trảo Thị P2 để làm giả và in ra 02 Giấy xác nhận về việc trả nợ, giấy thứ nhất có nội dung: Nguyễn Thị Đ đã trả hết số tiền 1.600.000.000 đồng cho bà Trảo Thị T1, hai bên không còn nợ bất cứ khoản nợ nào sau khi ký Giấy xác nhận này, có chữ ký và tên bên nhận tiền là Trảo Thị T1 và bên trả tiền là Nguyễn Thị Đ. Giấy thứ hai có nội dung: Bà Nguyễn Thị Đ đã trả hết số tiền 800.000.000 đồng cho bà Trảo Thị P2, hai bên không còn nợ bất cứ khoản nợ nào sau khi ký Giấy xác nhận này, có chữ ký và tên bên nhận tiền là Trảo Thị P2 và bên trả tiền là Nguyễn Thị Đ. Ngày 26/8/2015, N và bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố P 02 Giấy xác nhận về việc trả nợ đề ngày 16/8/2015.

Các bà Trảo Thị T1 và Trảo Thị P2 cho rằng các Giấy xác nhận về việc trả nợ đề ngày 16/8/2015 mà N và bà L cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố P là giấy tờ giả nên đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai để điều tra, giải quyết.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các Giấy vay tiền và Giấy xác nhận trả nợ để có cơ sở xác định làm rõ nội dung vụ việc.

Kết quả giám định như sau:

Tại Bản Kết luận Giám định số 621/C54C ngày 25/12/2015 của Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chữ ký “P2” và các chữ “Trảo thị P2” dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên “GIẤY XÁC NHẬN (V/v đã trả hết nợ)”, đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết của Trảo Thị P2 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký và các chữ “Trảo Thị T1” dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên “GIẤY XÁC NHẬN (V/v đã trả hết nợ)”, đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết của Trảo Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản Kết luận Giám định số 97/GĐKTHS-P11 ngày 15/8/2016 của Phòng Giám định Kỹ thuật Hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận:

- Chữ ký “P2” và các chữ "Trảo thị P2" dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên “GIẤY XÁC NHẬN (V/v đã trả hết nợ)”, đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết của Trảo Thị P2 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký và các chữ "Trảo Thị T1" dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên “GIẤY XÁC NHẬN (V/v đã trả hết nợ)”, đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết của Trảo Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký “P2” và các chữ "Trảo thị P2", Chữ ký và các chữ "Trảo Thị T1" dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên 02 Giấy xác nhận (V/v đã trả hết nợ), cùng đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định, ký hiệu A1, A2) được ký trước khi có nội dung bản in.

Tại Bản Kết luận Giám định số 4773/C54-P5 ngày 30/11/2016 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Chữ ký “P2” và các chữ "Trảo thị P2", Chữ ký và các chữ "Trảo Thị T1" dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên 02 Giấy xác nhận (V/v đã trả hết nợ), cùng đề ngày 16/8/2015 (tài liệu cần giám định, ký hiệu A3, A4) được ký và viết trước khi in laser nội dung đọc được hiện tại. Chữ in laser trên 02 Giấy xác nhận cùng đề ngày 16/8/2015 được in sau khi đã tẩy xóa toàn bộ nội dung nguyên thủy của 02 “PHIẾU ĐÁNH GIÁ HÀNG” và giữ lại chữ ký, chữ viết của Trảo Thị P2, Trảo Thị T1.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2017/HS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Thị Kim N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của UBTVQH khóa 14 ngày 20/6/2017; khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 19/01/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 22/12/2017, bị cáo Nguyễn Thị Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N với mức án quá cao vì bị cáo đã khắc phục hậu quả trong lúc điều tra, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị bệnh tiểu đường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo Nguyễn Thị Kim N nhất trí về phần tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử đối với bị cáo N. Luật sư nêu lên các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N như đã khắc phục hoàn toàn hậu quả, thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo bị bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo N một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị Kim N khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/6/2015, Nguyễn Thị Kim N có viết giấy vay của bà Trảo Thị T1 số tiền 1.600.000.000đ và thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do N không trả tiền như đã thỏa thuận nên bà T1 đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố P để yêu cầu N trả số tiền đã vay. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện dân sự nêu trên, N đã thuê một người phụ nữ bán vé số dạo đi phát bột giặt tại nhà bà T1 để thu thập chữ ký và chữ viết của bà T1 rồi N làm giả giấy xác nhận về việc đã trả hết nợ số tiền 1.600.000.000đ cho bà T1 và cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố P, yêu cầu bà T1 trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt số tiền 1.600.000.000đ của bà T1.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Kim N đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Thị Kim N như: Nhân thân chưa có tiền án tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xử phạt Nguyễn Thị Kim N 07 năm tù, mức án này mới khởi điểm của khung hình phạt liên hệ khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là đã chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị Kim N 07 (Bảy) năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2017.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Kim N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai tổng đạt cho bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm